

Ông Thầy Chùa

Truyện ngắn của Tư Kiên

*(Thân tặng anh Nguyễn Văn Song -Nguyên ĐĐT/ ĐĐTS 24/
BDQ.)*

Dù chọn loại xe tốt nhất để đi nhưng Trọng cũng chịu không nổi với những cú sóc cứ nhảy nhồm liên tục mỗi khi xe qua ổ gà. Sau gần 40 năm hết chiến tranh, xã hội coi như ổn định không loạn lạc không bị mất mùa đói kém, vậy mà CSVN vẫn chưa làm nổi con đường huyết mạch nối các tỉnh Tây Nguyên với đồng bằng. Quốc Lộ 13 và Quốc Lộ 14 vẫn chẳng khác gì so với thời chiến tranh, ngoại trừ những khúc đường trong các thị trấn được tu bổ khá chỉnh trang cho phù hợp với bộ mặt “mở rộng du lịch”. Khu vực ngoại ô thì vẫn chỉ là những đoạn đường vá vúi chằng chịt ổ gà, “ổ trâu”, “ổ voi”.



Thức dậy từ lúc 5 giờ sáng, Trọng nhờ người cháu lấy xe gắn máy chở ra bến xe Bình Triệu, để đón xe đi Thủ Dầu Một. Dù còn rất sớm, nhưng bến xe đã tấp nập, nhiều xe cứng người đã lần lượt rời bến. Để đi Quảng Đức, bây giờ đổi lại là Thị Xã Gia Nghĩa, Trọng phải đón xe từ Bình Dương rồi từ đó đổi xe đi Gia Nghĩa, con đường ngắn nhất là Quốc Lộ 13 từ Thủ Dầu Một đi Chơn Thành, sau đó đổi qua Quốc Lộ 14. Còn một đường khác nhưng hơn gấp ba gấp bốn lần, là đi Nha Trang rồi chuyển xe đi Ban Mê Thuột sau đó từ Ban Mê Thuột đi Gia Nghĩa. Đường này vòng vèo xa hơn nhưng tương đối ít ổ gà,

ít bụi bặm, và xe chạy nhanh hơn. Nhưng cũng phải mất ngày rưỡi mới tới được. Đi đường trong thì gần hơn nhưng bù lại hành khách phải chấp nhận cảnh tra tấn bằng ổ gà và bụi đỏ.

Tới bến xe Thủ Dầu Một lúc 7 giờ sáng, Trọng được giới thiệu mua vé xe du lịch 24 chỗ ngồi, bảo đảm chạy an toàn, nhanh và không dừng lại đón khách dọc đường, đất gấp 5 lần so với xe đò. Chủ xe hứa với khách là 3 giờ chiều sẽ tới. Quãng đường trên dưới 200km mà phải chạy 8 giờ đồng hồ mới tới được vậy mà vẫn được cho là nhanh thì thực là “hết ý kiến”! Ý nghĩ xe chạy như rùa bò ban đầu của Trọng tắt ngấm ngay khi xe lăn bánh được 10 phút, thì bị buộc phải dừng lại trạm thu phí. Đâu phải một chiếc này mà tất cả các xe đò chạy trên tuyến này đều phải dừng lại để “nạp mãi lộ”. Xe mất mấy phút mới qua được ải nhưng vì đây vẫn là nội thành Bình Dương, xe cộ quá đông mà đường thì nhỏ hẹp, nên xe chạy rất chậm. Các xe tha hồ chạy không ai nhường ai nên tài xế không dám tăng ga sợ tai nạn.

Qua khỏi Mỹ Phước đường bắt đầu thưa, nhưng cũng bắt đầu xấu dần. Từ Bến Cát tới ngã tư Chơn Thành thì xe đổi hướng, đang chạy hướng Bắc rẽ phải về hướng Đông vào Quốc Lộ 14 đi Đồng Xoài. Từ Chơn Thành bắt đầu đồi núi chập chùng, ngoài đồn điền cao su hầu như ít khu vực dân cư, chỉ thỉnh thoảng một bản làng Thượng với vài mươi nóc nhà sàn. Nhiều nơi dấu tích chiến tranh vẫn còn hiện diện, những căn nhà gạch bên ngoài thị trấn vẫn còn chi chít lỗ đạn như xác nhận rằng chiến tranh chỉ mới đi qua vùng này. Xe tới Đồng Xoài lúc 11 giờ trưa, vậy là hết 4 giờ để chạy 100 cây số, qua 3 trạm mãi lộ. Dù đường tương đối vắng vẻ nhưng xe cũng chẳng dám chạy nhanh bởi quá nhiều ổ gà, còn khi gặp những ổ voi thì tài xế phải ôm cua để tránh.

Trong khi nghỉ ngơi, Trọng chẳng còn tâm trí đâu mà ăn uống. Bốn giờ đồng hồ với nóng nực, dầm xóc, bụi bặm, khói xe nhưng Trọng chịu đựng tất cả một cách vui vẻ chỉ để giải tỏa những u uất từ gần 40 năm nay. Điềm đến cuối cùng của

chuyến xe này vẫn chưa phải là điểm dừng chân của Trọng, bởi anh sẽ còn phải đi thêm một quãng đường nữa. Trọng luôn trăn trở trăn trở với chuyến đi này nhưng vì nhiều lý do nó bị trì hoãn, khi thì người thân, khi thì bạn bè ngăn cản, khi thì chính Trọng tự hủy bỏ. Có nhiều kinh nghiệm với CS, Trọng biết rõ cái chế độ này, lúc nào cũng tạo ra những mối căm thù, sự chia rẽ giữa người đồng chủng. Lúc nào, họ cũng nghi ngờ, tráo trở, và sẵn sàng làm bất kỳ chuyện gì bất chấp công lý, bất chấp đạo đức dù đối tượng của họ bị hàm oan. Còn Trọng, thì chẳng những không oan bởi anh là nhân vật chính của một câu chuyện xảy ra hồi đó... Nhưng Trọng không màng, cái Trọng cần biết là tin tức về một người, một phụ nữ, đã đeo đuổi trong tâm trí Trọng từ đó tới nay. Anh mỉm cười khá lạ quan khi nghĩ chỉ chiều hoặc tối nay anh sẽ gặp lại. Nhưng rồi Trọng lại băn khoăn không biết sẽ giải quyết ra sao bởi giờ này anh đã có vợ có con, dù vợ con Trọng đang sống ở Mỹ chứ không phải ở đây. Sở dĩ lần này Trọng “dám” đi là bởi trong túi Trọng là cái Passport của Mỹ. Trước khi dẫn thân vào chuyến phiêu lưu này Trọng cũng đã sắp xếp cẩn thận, đề phòng mọi rủi ro cho chính mình. Một trăn trở nữa là liệu người đó vẫn còn độc thân hay đã lập gia đình rồi? Nhưng rồi khi nghĩ lại cả Trọng và người đó giờ cũng đã trên 60 thì Trọng không còn thắc mắc gì nữa, thôi thì mọi chuyện cứ để tới đó sẽ biết!



Sau khi Liên Đoàn 24 BĐQ rời đi, Đại Đội Trinh Sát của Trọng phải đóng quân trong nguyên một căn cứ, rộng tới mấy mẫu tây! Căn cứ nằm trên sườn núi gọi là Nghi Xuân dựa theo tên một làng ở dưới chân núi sát ngay Quốc Lộ 14, về hướng Bắc của thị trấn Gia Nghĩa và cách thị trấn khoảng 15km. Nơi đây, làng Nghi Xuân nằm bên hướng Đông Quốc Lộ dưới chân núi trong một bình nguyên khá đẹp, thế đất cũng thoải thoải dần. Dân từ Quảng Ngãi đã vào đây lập nghiệp với sự trợ giúp của chính phủ.

Đúng như tên gọi ban đầu, làng này có khoảng vài ba trăm nóc gia, nếu bay trực thăng phía trên sẽ dễ dàng xác định bởi giữa rừng già xanh um bạt ngàn là một khoảng sáng rực những mái nhà bằng tôn với những đường đi rộng rãi để những xe cơ giới có thể di chuyển dễ dàng. Một con suối khá đẹp chạy ngay dưới chân núi chia nhiều nhánh ngoằn ngoèo giữa những ruộng đồng. Có lẽ nhờ những yếu tố thiên nhiên đó nên mới hình thành nên khu vực cư dân này. Thực ra, đời sống ở đây không hoàn toàn sung túc. Dân có lẽ quen với lúa nước nên không chịu làm rẫy như người Thượng. Họ cũng không trồng những loại hoa màu phụ như đậu, bắp, khoai mì, khoai lang. Những đám ruộng gần suối có nước thì được khai thác triệt để mỗi năm 2 vụ, còn trên cạn họ trồng cà phê, mà mỗi năm chỉ có vài tháng thu hoạch, và trà thì gần như quanh năm. Tuy ngày nào cũng có trà để hái, nhưng ở đây lại không có nhà máy trà như ở Pleiku hoặc Lâm Đồng, nên việc sản xuất chủ yếu là thủ công, trong phạm vi gia đình. Vài gia đình khá giả còn có cả máy cày nữa, nhưng gạo ăn hàng ngày thì hầu như chính phủ vẫn phải trợ cấp, mà hàng tháng hoặc theo một thời gian nào đó là có xe GMC chở gạo từ Ban Mê thuật hoặc từ Gia Nghĩa đến tiếp tế.

Giữa cái thế đất thoải thoải của khu vực bỗng lại nổi lên một ngọn đồi nhỏ, như một mô đất, nhưng nếu ở dưới làng nhìn lên thì cũng là một vị trí cao ráo. Nó cũng không có gì đặc sắc, chỉ nhô lên chừng vài ba chục mét thôi, cũng chẳng có cây cối gì rậm rạp bởi có lẽ dân ở đây họ đã đốn trụi để làm củi chum từ hồi nào ấy rồi. Trên cái ngọn đồi nhỏ ấy, có một ngôi chùa xây cất bằng gạch với mái ngói hắt hoi, có điện thờ, có cổng tam quan tuy không đồ sộ nhưng cũng khá đẹp. Sau cổng là một cái sân khá lớn và bằng phẳng bằng đất nhưng vì được xử dụng thường nên khá sạch sẽ không bị cỏ mọc. Con đường chính của làng, chạy song song với Quốc Lộ, có lẽ khởi đầu từ ngôi chùa này. Sở dĩ gọi là đường chính bởi chỉ có con đường này là lát đá và có vài ba chỗ buôn bán, một cái chòi để

sửa chữa xe đạp và máy cày. Hàng quán ở đây thực ra chẳng có gì, bởi lẽ mọi nhu yếu phẩm đều phải lên chợ Gia Nghĩa, tuy cách xa tới 15 cây số, nhưng nếu chạy xe gắn máy cũng chỉ mất khoảng nửa giờ. Vì vậy, vài cái quán mở ra cũng chỉ bán mấy con khô, hũ chao hũ mắm, thuốc rê và rượu.

Việt Nam ta có cái lạ là hề chỗ nào chỉ cần có chùng vài chục nóc nhà là chỗ đó có bán rượu. Mọi thứ có thể không cần thiết nhưng rượu thì phải có, dĩ nhiên là rượu đế hoặc cho có màu mè thì ngâm với mấy thứ cây cỏ gì đó cho có màu



sắc, mà họ gọi là rượu thuốc. Dân ta rất dễ dãi cứ chất nước cay cay nồng nồng là được gọi bằng rượu chẳng ai thắc mắc thứ đó nấu bằng gì. Thanh niên có thể nhịn đói chứ nhất định không thể thiếu rượu, vì lẽ đó làng này cũng có một quán rượu, chẳng có bằng hiệu cũng chẳng được trang hoàng gì ráo dù là một vài tấm tranh chuột. Chủ quán là một thiếu phụ còn rất trẻ khá đẹp tên Liên, là vợ góa của một ông trung đội trưởng Nghĩa Quân, người uy quyền thứ nhì trong cái làng này sau ông Trưởng Ấp. Ông trung đội trưởng đó tên Hiếu khi chết cũng còn rất trẻ, nghe đâu chưa tới 30 và cũng chỉ mới có với cô Liên này một đứa con gái rất dễ thương. Hiếu chết vì bị VC

phục kích khi đi tuần tiễu ở ven làng. Trận đó chỉ có Hiếu bị chết và không ai bị thương.

Cũng sau trận đó làng lại trở về bình yên không bị VC quấy phá gì cả. Quán rượu này được mở ra từ ngày anh Hiếu còn sống. Anh mở quán để vợ bán cho vui cửa vui nhà, và để anh em trong làng có chỗ tụ họp đầu láo chứ chẳng phải vì lợi lộc, bởi lẽ trai làng chí thú làm ăn dành sức lực để làm ăn chứ không phải để nhậu nhẹt. Và lại dân quê thì có gì mà nhậu nhẹt. Cuộc sống ngày nào cũng như ngày đó làm cật lực mới đủ ăn dư giả đầu mà rượu chè. Bởi vậy, dù Hiếu chết đã hơn 2 năm và Chính người thay thế Hiếu làm Trung Đội Trưởng Nghĩa Quân cũng đã bén rễ sâu trong làng, không ai tranh dành cái quán với Liên cả. Quán của nàng vẫn thảnh thơi là tụ điểm để trai làng lui tới.

Mọi chuyện trong làng cứ tiếp diễn bình thường, một ngày như mọi ngày. Cuộc sống có thể cứ êm đềm trôi nếu không có sự xuất hiện của một liên đoàn Biệt Động Quân kéo nhau về đây đóng quân. Từ ngày đơn vị quân đội này đến, dân ở đây mới thường xuyên được nghe tiếng đại bác, mới được thấy ánh hỏa châu, bởi liên đoàn kéo theo tới 4 khẩu pháo binh khổng lồ đặt ngay trên sườn núi mà mỗi khi bắn người dân dưới làng có thể nhìn và nghe thấy rõ ràng. Mỗi ngày từ trên núi họ lại cho xe kéo theo một chiếc xi tọc nhỏ xuống con suối ngay đầu làng để lấy nước rồi kéo lên trên. Có ngày 2 có ngày 3 chuyến như vậy.

Tuy có một số lượng rất lớn binh sĩ thuộc binh chủng dữ dằn hiện diện nhưng cuộc sống của người dân ở đây cũng không bị xáo trộn, vì họ hầu như rất ít khi hiện diện tại làng. Họ đóng quân tách biệt hoàn toàn với dân chúng vì thực ra làng này cũng chẳng có gì hấp dẫn với những người lính xa lạ kia. Còn khu vực họ hoạt động nghe đâu ở tít mù xa thẳm nào đó do trực thăng đưa đi đón về và do những khẩu súng lớn phía trên sườn núi kia bắn yểm trợ hoặc cũng đôi khi có cả những máy bay vận vũ trên bầu trời rồi nhào lộn xuống ném

bom. Người dân cũng chỉ thấy những chiếc máy bay lúc gần thì to, lúc xa thì nhỏ vậy thôi còn thì nó cũng chẳng làm xuy xuyên gì công việc thường ngày của họ. Đời sống dân ở đây vẫn điều hoà như cũ, sáng họ vẫn lái những chiếc máy cày, máy xới vô rẫy, chiều họ lại tà tà chở nhau về. Chiến tranh dù lớn vờn quanh đây nhưng vẫn dường như không liên quan gì đến cuộc sống của họ.

Sau Lễ Giáng Sinh 1974, liên đoàn BÐQ kia nghe đâu đã rút đi để tăng cường yểm trợ cho mặt trận Bình Long - Phước Long mãi tận phương Nam xa xôi. Sườn núi mấy bữa trước còn san sát lều lớn, lều nhỏ nay trống trơn trống hoác. Những tưởng họ cùng nhau đi hết dè đâu thỉnh thoảng cũng còn xuất hiện một vài bóng dáng lẩn khuất dưới những tàng cây, những lùm bụi. Cái cổng chào họ dựng gần bên đường trên lối vào chỗ trú quân lúc trước vẫn còn với chữ NOEL 1974 phía trên và dòng chữ Latin chạy dọc một bên PACEM IN TERA. Cái cổng chào tuy đơn sơ nhưng rất hợp với khung cảnh thiên nhiên đã chiến vì nó được làm bằng những thân cây mọc và những cành tre, không đèn đóm, không cờ xí, cũng chẳng được trang trí dù bằng một cành hoa dại, nhưng vẫn toát nên một vẻ đẹp, uy nghi sừng sững trên sườn đồi.

Phía sau cái cổng chào đó là con đường đất chạy thẳng đến cái lều to chắc là bản doanh, giờ đây không còn gì ngoài bãi đất trống. Khung cảnh vốn đã hoang vu giờ thêm cô tịch, nhưng rừng núi thì có bao giờ nhộn nhịp đâu? Thỉnh thoảng một cơn giông bão nổi lên thì xô xao chốc lát. Khi gió qua rồi thì đâu lại trở về đấy, dấu tích gãy đổ cũng mau chóng được xóa nhòa. Nhưng con người thì đi đến đâu là để lại những dấu ấn khó phai. Bao nhiêu năm tháng nữa những giao thông hào kia sẽ được gió mưa bào mòn rồi bằng phẳng trở lại như cũ? Bao nhiêu thời gian nữa những hầm hố mới không để lại vết tích hoặc bao lâu thì những cây con sẽ mọc lại để thay thế lớp cây đã bị con người đốn ngã? Chắc là lâu lắm, lâu nhưng rồi cũng sẽ lại bình thường!

Quán rượu của Liên giờ có thêm ít khách mới, những người lính BÐQ với bộ đồ rằn ri, đi đâu cũng đội nón sắt sừng kè kè trên tay. Những người lính này trước giờ không đến quán của Liên bao giờ, nay sợ dĩ họ ghé vì họ phải đi lấy nước. Họ vác từng ống đạn hoặc gánh từng chum những bịch nước hình thù như những con rùa biển, đi từng tốp, từng nhóm vài ba người, hoặc dăm bảy người. Dù đi đông hay đi ít những người lính



Một đơn vị đang sẵn lòng VC tại Bình Định
này chẳng bao giờ đi thành đoàn, mà luôn di chuyển người trước, người sau cách từng khoảng ngắn.

Dù ở ngay trên đường làng, họ cũng di chuyển rất chậm chạp và rất cẩn thận. Đến bờ suối chỗ lấy nước hoặc tắm chẳng bao giờ họ cùng nhau xuống suối một lần. Lúc nào cũng có một vài người trên bờ với súng trên tay. Hình như đó là thói quen của những người lính ngoài mặt trận, họ luôn đề cao cảnh giác với mọi người ngoài đơn vị, mọi vấn đề có thể xảy ra. Họ đi qua đi lại quán của Liên khá nhiều lần nhưng không vào, có thể nơi đây ít hàng hóa mà họ cần, cũng có thể họ chưa lãnh lương, hay cũng có thể vì lý do gì đó.

Nhưng dù gì thì đi qua đi lại mãi trước cửa hàng cô chủ quán xinh đẹp mà không ghé thì đó mới là điều lạ, và điều

lạ như vậy chắc ít xảy ra. Vào một buổi trưa, một toán lính, khoảng 5, 6 người ghé quán, kêu mỗi người một ly cà phê đá và 1 gói thuốc Capstan. Chỉ nội gọi hàng như vậy cũng khiến cô chủ quán xính vính vì quán của cô hầu như không bán nước đá, bởi bán cho ai? Máy khi có người cần nước đá, mà nước đá thì phải đi mãi Gia Nghĩa mới có chứ trong cái làng này chưa chắc đã có 1 cái tủ lạnh thì lấy đâu ra. Ngay cái mục cà phê cũng thế, trai làng này chỉ thỉnh thoảng uống rượu sau đó là nước chè. Ở đây, dân phân biệt giữa 2 thứ “chè” và “trà”. Họ gọi những thứ nước uống được pha bằng lá trà không qua ướp, tẩm là “chè”, nước chè tươi, nước chè khô! Còn những loại trong bao bì đẹp mắt có hương thơm, có vị nọ, vị kia thì được trân trọng gọi là trà, dù rằng có những loại trà uống chẳng ra làm sao, thua xa thổ sản của họ.

Nhưng bọt nhà thì làm sao thiêng, thế nên họ vẫn quý trà, nhất là những loại trà có thêm mấy chữ Tàu, đó là Trà Tàu! Quả thật, trong cái làng này chỗ nào cũng có thể thấy cây trà, vì quanh nhà nào cũng trồng dăm ba cây. Muốn uống họ cứ ra ngắt lá, nấu sôi nước bỏ vào vậy là có ấm nước chè xanh, hoặc tiện hơn thì bóc một dùm trà khô trong thùng, trong bao đựng sẵn trong nhà, cũng có ấm chè. Cà phê thì dù họ trồng rất nhiều trong rẫy, thậm chí còn được trồng quanh nhà để lấy bóng mát, nhưng họ lại không uống, hoặc rất ít uống cũng vì hạt cà phê phải qua chế biến, rang xay rồi mới có thể pha, mà trong làng này thì chẳng ai biết cách làm như vậy.

Cô chủ quán lúng ta, lúng túng khi trả lời đám lính xa lạ là quán cô không có những thứ mà họ yêu cầu, ngay cả thuốc lá Capstan cô cũng chẳng hiểu nó ra sao bởi lẽ ở đây dân chỉ hút thuốc rê bởi vì họ chê thuốc lá hút lạt. Đám lính lại lao nhao, “Vậy thì uống rượu”. Nhưng một giọng nói từ tốn mà nghiêm nghị cất lên, “Muốn uống rượu thì mua về trên uống, không uống ở đây!” Thế là mấy cái bidon giơ về phía cô chủ quán, “Đồ đây đi, mỗi cái 1 lít khôì đơng cho mát công”, 6 người trong quán nhưng chỉ có 5 cái bidon được đưa ra. Người vừa

nói khi nãy kiểm một cái ghê ngồi xuống móc trong túi ra gói thuốc lấy một điếu châm lửa hút rồi thả lên bàn.

Cô chủ quán giờ mới để ý người đang ngồi là một trung úy. Người sĩ quan này còn rất trẻ chắc cũng tuổi với cô, trông cũng chẳng có vẻ gì đặc biệt. Nếu không có chút khác nhau trong cách xử sự giữa đám lính chắc cô cũng chẳng để ý. Anh cũng bộ đồ rằn ri bình thường, cũng cái nón sắt, cũng cầm trên tay một khẩu M16 như những người lính đi cùng. Liên thầm nghĩ, “Sĩ quan gì mà giản dị quá, trông chẳng oai phong chút nào.” Chồng mình ngày xưa tuy không mang cấp bậc gì nhưng cũng cách cư xử khác hẳn, lúc nào cũng ra dáng một cấp chỉ huy.” Cô lại gần ông nói khẽ, “Em nấu nước chè đãi Trung Úy nhen, Trung Úy ngồi chơi một lát có nước uống liền.”

Cô liếc đôi tượng một cái thật nhanh rồi đi ra phía sau, chẳng buồn đong rượ bán cho những người lính đang cầm bidon chờ. Một lát cô mới quay trở lại cầm từng chiếc bidon lại gần vò rượ rồi múc đổ đầy, đổ được vài bidon cô lại chạy ra sau rồi lại quay vò đong rượ tiếp, chắc là cô đang nấu nước chè đãi khách.

Đong đủ rượ cho 5 chiếc bidon thì cô cũng kịp mang cái mâm nhôm đen thui đang phun khói lên, với tay lên nóc tủ lấy 1 chiếc chén ăn cơm có hình chung quanh, cô tráng qua một chút nước rồi rót đầy chén,

- Mời Trung Úy xơi nước.

Anh nhìn cô cười cười,

- Tôi tên Trọng, cô cứ gọi tên khỏi cần Trung Úy trung iếc gì cả.

Trọng cầm cái chén lên nói tiếp. Bộ ở đây uống trà bằng chén ăn cơm sao?

Liên hơi bối rối,

- Dạ, ở đây thường uống như vậy, đây là nước chè chứ không phải trà.

- Ô, chúng tôi thì gọi chung là nước trà, thứ này chúng tôi gọi là trà tươi, tôi thấy quanh đây mọc rất nhiều, mà hình như trong này cô bỏ thêm lá dứa nữa phải không?

- Dạ không, đó là lá trà tiên, còn lá dứa đâu có uống được.

Trọng mở nắp bình nước, lẫn với những lá trà hình bầu dục có răng cưa là mấy lá nhỏ như ngón tay, cũng dài chừng 1 ngón, rõ ràng là lá dứa thơm, Trọng chỉ vào và nói,

- Lá dứa thơm đây làm sao che nổi tôi!

Liên nhất định không chịu,

- Đó là lá trà tiên.

Liên không để ý là mấy người lính khi nãy đi theo giờ đã kéo nhau ra ngoài hết không ai còn lại trong nhà, có lẽ họ muốn để ông sĩ quan của họ được riêng tư. Một chút ngưng ngáp vì sự trống trải trong nhà mà nãy giờ mãi nói chuyện Liên không chú ý. Liên trở lại tự nhiên khi Trọng chỉ vào bức hình treo trang trọng giữa nhà,

- Ngoài Quảng Nghĩa gia đình cô ở chỗ nào?

- Quận Nghĩa Hành, làng Nghi Xuân.

- Té ra cô là dân gốc Thanh Hóa.

- Sao anh biết rành vậy?

- Tôi đọc sách thấy nói rằng dân Thanh Hóa chịu đói không nổi nên kéo cả làng đi khẩn hoang lập ấp, họ đi tới đâu mang theo tên làng cũ, nhắc nhở con cháu gốc gác để sau này tìm về với tổ tiên, nhưng hình như cả mấy trăm năm rồi chứ đâu phải mới đây, từ thời Chúa Nguyễn mở mang bờ cõi, cũng giống như mấy làng ở Thái Bình, Hải Phòng gì đó đi đến đâu cũng Kim Sơn, Tiền Hải dù con cháu sau này cầm bản đồ lên cũng chẳng biết chỉ vào đâu cho đúng.

- Thì bọn em cũng vậy, chỉ nghe ông bà cha mẹ nói là gốc Thanh Hóa chứ nào biết nó ở chỗ nào!

Câu chuyện loanh quanh đủ mọi đề tài, càng lúc càng rôm

rả, Liên không còn cảm thấy xa lạ với người đàn ông mà chỉ mới vài giờ trước đây nàng chưa hề biết tới. Trong câu chuyện chẳng hiểu cả hai đã đổi cách xưng hô từ lúc nào mà anh anh, em em thân thiết như đã quen biết từ lâu rồi... Một người lính thò đầu qua khe cửa khép hờ rồi lên tiếng,

- Về chưa vậy, ông thầy?

- Chờ tao một chút rồi về chung, còn không thì chia đôi một nửa về trước, gọi thêm mấy đứa xuống rồi về luôn.

- Dạ không, tụi em chờ. Ông thầy cứ vui về.

Nghe vậy Liên thoáng đỏ mặt, về bên lén ban đầu trở lại. Liên thấy mình quá bạo dạn khi không lại thân mật với người đàn ông chỉ mới quen biết vài giờ đồng hồ, nhưng chỉ một chút sau lại trở lại vẻ hồn nhiên vui vẻ với câu chuyện chẳng biết khi nào mới dứt. Chợt Trong đứng dậy,

- Thôi anh về, nếu rảnh mai anh tới.

- Mấy giờ?

- Anh không biết, rảnh thì anh xuống chứ không thể hẹn được. Lính tác chiến không bao giờ hẹn giờ với ai cả!

- Em biết.

Trọng nhìn khuôn mặt thoáng buồn của Liên, tần ngần một chút rồi bước tới cầm tay nàng. Liên hơi run nhưng để yên cho Trọng nắm chứ không rút lại. Thêm vài giây ngần ngừ cuối cùng Trọng làm gan kéo Liên lại gần, vòng tay còn lại ra sau lưng Liên. Nàng chỉ kịp kêu khẽ, “Anh!” rồi lặng thinh trong vòng tay Trọng. Một lát sau Trọng chủ động rời Liên nói trong tiếng nuốt,

- Mai anh sẽ cố gắng xuống thăm em.

- Dạ, em chờ.

(còn tiếp)

Bài Luận Văn Đầu Tiên

Thiên Lý

Tôi đã thích môn Việt Văn từ lúc bắt đầu viết những bài tập làm văn ở lớp tiểu học. Sự yêu thích đó không bắt nguồn từ một năng khiếu bẩm sinh, hay một thích thú nhất thời, mà là từ một cảm xúc chân thật rất non trẻ.



Khi tôi lên lớp 6, tôi được làm quen với hai phần trong môn viết văn: kim văn và cổ văn. Một điều đã luôn gọi cho tôi những cảm xúc tràn đầy từ những bài thơ văn cổ cũng như kim; là nhờ ở phần giảng giải vô cùng thú vị của thầy giáo dạy Việt Văn. Thầy tôi năm đó hãy còn trẻ, nhưng

trông thầy rất đạo mạo trong bộ áo vest, thắt cà vạt và cặp kính cận trắng, gọng đen, đã làm cho vóc dáng thầy nhìn thêm nghiêm khắc. Thầy rất giỏi chữ Hán, mỗi khi giảng về một bài thơ cổ, thầy luôn ví dụ những dòng thơ chữ Hán để chứng minh cho phần giảng của mình. Có một lần, tôi bắt chước đưa bạn ngồi cạnh bên nói thầy hay “*xổ nho chum*”. Nó khôn hơn tôi nói nhỏ xíu, còn tôi tài ngu nói to hơn để làm thầy giận và đuổi tôi ra khỏi lớp. Đứng ngoài cửa lớp tôi hối hận khóc.

Từ sau ngày đó, hình như tôi đã làm mất cảm tình của

thầy, lại thêm cái tội nhiều chuyện trong lớp. Không hiểu tại sao hỏi ấy tôi cứ thích nói chuyện trong giờ học. Những lúc thầy gọi trả bài là lúc bọn con gái chúng tôi tha hồ tâm sự, mà nói nhiều và to hơn ai hết là tôi. Vì vậy mỗi khi lớp quá ồn thầy nhìn xuống lớp là tên tôi luôn bị xướng lên cảnh cáo phải im lặng. Rồi chỉ im được vài giây; con ma nói trong tôi lại thúc giục tôi lên tiếng, để cho thầy phải bực mình chọi phần về phía tôi liên tục.

Rồi một ngày, thầy cho cả lớp tập làm luận văn với hai đề tài: Tả chiếc xe đạp và tả người chiến sĩ. Thầy gọi bốn học sinh lên bảng và chia bảng ra làm bốn cột, hai học sinh một đề. Khi bốn học sinh đó làm xong nhập đề thì thầy gọi bốn học sinh khác lên làm thân đề. Tôi thấy cách làm này hơi lạ lùng, vì ý và lời của đưa làm nhập đề rất khó cho học sinh thứ hai tiếp tục làm thân đề. Tôi đã không biết thầy cố ý làm như thế để giúp học sinh chúng tôi tập suy nghĩ, tưởng tượng rồi đặt câu sao cho xuôi và hợp lý với ý của người bạn mình. Tôi cố trốn tránh ánh mắt thầy để khỏi bị kêu lên bảng làm tiếp phần thân đề. Song, số tôi xui vẫn hoàn xui, đúng vào lúc tôi vừa thủ thỉ than phiền với nhỏ bạn bên cạnh về kiểu bắt làm luận văn kỳ cục của thầy, thì cũng là lúc tới phiên tôi phải lên bảng. Tim tôi đập loạn xạ ngẫu, tôi run rẩy bước lên bực với cái đầu rỗng tuếch. Tôi bỗng thấy may mắn cho đưa nào làm nhập đề và kết luận. Tôi bị đứng vào cột tả người chiến sĩ, thật là khó quá! Bên cạnh tôi, con nhỏ bạn cũng đang bị kẹt ý cho phần thân đề tiếp nối cái xe đạp. Bỗng dưng tôi và nó cùng nhìn nhau lắc đầu rồi tôi buột miệng nói với nó:

“Cái đầu của tao có rồi mà cái thân tao nặn chưa ra...” Sau câu nói đó hai đưa tôi cùng cười khúc khích. Tôi nghe tiếng thầy nạt lớn:

- Lên đây làm bài hay là giỡn...

Tôi giật mình run tay viết hai chữ thân đề méo mó. Bỗng, tiếng chuông reo hết giờ như một cứu tinh. Tôi và đưa bạn gái

mừng rỡ quăng phấn chạy liên về chỗ, miệng còn la lớn:

- Hết giờ rồi, hết giờ rồi.

Cả lớp ồn lên sau tiếng chuông, thầy gõ thước đồng dục ra lệnh:

- Im lặng, nghe tôi nói, các em về nhà làm tiếp bài luận văn tả cái xe đạp hoặc người lính chiến tùy ở các em chọn, ngày mốt nộp.

Có vài tiếng xì xào lập lại “mốt nộp, mốt nộp”. Rồi đột nhiên thầy hướng mắt về phía tôi nói lớn:

- Riêng trò Hà, ngày mai phải nộp liền cho tôi bài luận tả người chiến sĩ vì cái tội lảm chuyện, lo ra trong lớp.

- Tôi giật mình, vừa mắc cỡ với bạn bè, nhất là tiếng cười của lũ con trai nhãi ranh phía sau, vừa sợ, vừa tức thầy sao bất công đã không cho tôi cái quyền lựa chọn đề. Tôi sững người nhìn thầy trân trối, cho đến khi đưa bạn bên cạnh thúc cùi chõ vào tôi nhắc nhở: “Ê! Mặt mày đỏ như trái cà chua rồi đó!” tôi mới ngượng ngừng gục đầu xuống bàn. Tôi cảm thấy ghét ông thầy Việt Văn làm sao, rõ ràng là thầy cũng ghét tôi mà! Tôi lo sợ nếu tình trạng “bị ghét” này kéo dài đến cuối năm, chắc là tôi đứng chót lớp về môn Việt Văn quá. Trời ơi, con gái dốt toán thì còn tha thứ được, chứ dốt Việt Văn thì “quê” biết chừng nào.

Tôi tự trách mình đúng là “thần khẩu hại xác phạm”, ai kêu già chuyện làm chi cho khổ thân. Rồi tôi lại trách thầy quá thiên vị. Đứa nào cũng nói chuyện rân trời trong lớp chứ đâu phải mình tôi nói, nhỏ Thanh Phương một cây tán phết về tài bắt bướm, hái hoa của nó. Có một cuốn tập ép mấy cành hoa tím khô và vài cánh bướm vàng, cứ khoe tới, khoe lui. Con Ngọc Linh thì đan đá, suốt ngày kể chuyện mấy bà làm vườn cải lộn. Còn Hồng Ái thì mơ màng toàn những tuồng tích Hồ Quảng, cái lương nói mấy ngày chưa hết... Thế mà không đứa nào bị thầy chiếu “đèn pin” như tôi cả...

Về nhà tôi cứ lo lắng cho bài luận văn, tôi định bụng sẽ hỏi cha tôi về những công việc của người lính để tôi có thêm ý mà tả. Không may cho tôi, hôm đó cha tôi lại đi dạy ngoài giờ nên về rất trễ. Tôi phải lặng lẽ ngồi nặn óc suy nghĩ một mình về hình ảnh người lính mà tôi chưa hề biết rõ qua.

Hình ảnh đầu tiên liên quan đến người lính hiện ra trong trí nhớ của tôi là những ngày tháng hãi hùng, chạy loạn của người dân Sài Gòn năm Mậu Thân. Lúc ấy tôi chỉ là một đứa bé 8 tuổi, đang vui sướng trong bộ quần áo mới thẳng nếp, với bao lì xì đỏ trên tay. Tôi lăng xăng chạy quanh nhà miệng nghêu ngao hát: “Xuân đã đến rồi gieo rắc ngàn hồn hoa xuống đời...”, rồi lại chạy ra sân xem cha tôi gắn phong pháo dài lên cánh cổng để đốt. Tôi vừa bật tai chuẩn bị nghe pháo nổ thì đã nghe một tiếng nổ lớn vang trời làm rung chuyển nhà cửa. Sau đó là vài tiếng nổ lẻ tẻ, tôi thấy một đám khói đen từ xa, và tiếng cha tôi hét lớn: “Chạy vào nhà nằm xuống ngay, tiếng súng đây.” ...Súng tiếp tục nổ, có tiếng la hét bên ngoài lẫn tiếng khóc, cả tiếng chân người chạy mỗi lúc một nhiều. Tôi sợ hãi chẳng biết gì cũng khóc mỗi khi nghe có tiếng động lớn. Cả ngày hôm đó, gia đình tôi cứ nằm dưới gầm ván. Chỉ có mỗi cha tôi là không nằm, mà cứ đi qua đi lại trông rất lo lắng. Sau đó, cha tôi bàn với mẹ là cho cả nhà tạm lánh nạn ở trường Quốc Gia Nghĩa Tử, nơi cha tôi đang làm hiệu trưởng. Ở đây gần khu trại gia binh, và có nhiều đồn lính canh gác rất an toàn.

Khi chúng tôi di tản đến đó, tôi đã thấy những chú lính rất bận rộn, tất tả chạy ngược xuôi với khẩu súng dài trong tay. Trên khuôn mặt người nào cũng hiện ra sự khắc khổ, chịu đựng, đầy vẻ nghiêm nghị đến độ luôn thiếu vắng nụ cười. Ngày ngày tôi hay bế em ra gần khu canh gác chơi, chính những khuôn mặt nghiêm nghị của các chú lính kia lại thường cho tôi nụ cười âm áp, vui tươi. Họ thay phiên nhau bế em giúp tôi, để tôi được rảnh tay chơi lò cò với đám bạn nhỏ. Đôi lúc, các chú lính ấy cũng hay hỏi chuyện học hành và chơi đồ cừu chương với lũ trẻ chúng tôi... Tôi nghĩ những người lính

ấy rất thương trẻ con... Nhớ đến đây, tôi ghi liền vào giấy đức tính: “rất yêu trẻ con” của người chiến sĩ.

Tôi nhớ đến chú lính tài xế của cha tôi tên là Tô, mà tên trên túi áo lại không có dấu ô, nên chúng tôi cứ gọi chú là chú To, nhưng chú vẫn cười hiền hậu không hề bắt lỗi. Chú hay giúp cha tôi nhổ cỏ khu vườn phía sau nhà, bở củi cho mẹ, và thường xuyên lau chùi chiếc xe Jeep. Tôi lại nghĩ đến cha tôi trong bộ quân phục, ồ, không biết cha tôi có phải là lính hay không, mà sao tôi chưa bao giờ thấy cha mang súng như những người lính khác. Tôi chạy lại hỏi mẹ tôi:

- Mẹ ơi, bố cũng là lính hả mẹ?
- Ừ!
- Sao bố không đeo súng lục bên hông hả mẹ?
- Tại bố không ra mặt trận.
- Tại sao bố là lính mà không ra mặt trận?
- Tại bố mày được biệt phái về ngành dạy học.
- Biệt phái là gì hả mẹ?

Mẹ tôi bực mình:

- Hỏi lắm lắm nhiều thế. Chờ bố mày về mà hỏi.

Tôi tiu nghỉu:

- Con đang làm bài luận văn tả người lính chiến đây nè, con tả bố được không?

Mẹ tôi dụ giọng lại:

- Thì cứ việc tả, đòi lính khổ lắm, cứ phải thuyên chuyển luôn.

Tôi thấy hơi lúng túng với câu nói của mẹ, rồi tôi nghĩ à, tôi có được một ý nữa, đòi lính thật khổ, còn phải thuyên chuyển luôn. Tôi hí hửng ngồi vào bàn viết, để diễn tả lại một bức tượng người lính oai hùng, gan dạ, tôi tập trung suy nghĩ đến hình ảnh của cha tôi, chú lính tài xế, và những chú lính

tôi gặp năm Mậu Thân, không nề hà gian khổ khi di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác. Tôi vẽ vờ hình ảnh người lính vào bài y như một bản tường trình, rồi kết luận bằng câu:

“Em thấy nơi nào có bóng dáng người lính là nơi đó có sự chiến đấu khốc liệt, đồng thời cũng có sự bình yên và che chở. Người lính mãi là một hình ảnh đẹp và hào hùng trong lòng em.” Chấm hết! Đọc đi đọc lại bài luận văn của mình, tôi tạm yên lòng vì đã xong để kịp nộp ngày mai.

Giờ cổ văn là giờ đầu trong ngày, thầy giáo xuất hiện vẫn với bộ mặt nghiêm trang, đôi mắt không bao giờ biết cười sau cặp kính cận dày. Sau cái ngoắc tay cho cả lớp ngồi xuống, thầy không quên nhắc tôi nộp bài luận. Tôi đem bài luận lên cho thầy mà lòng không khỏi hồi hộp. Thầy gọi học sinh trả bài một lúc. Hôm ấy trông thầy rất thờ ơ với việc đọc bài của từng đứa, thầy như đang chăm chú đọc một cái gì đó trên bàn của thầy.

Giây phút kiểm bài đã xong, thầy bước xuống bục với bài luận của tôi trong tay. Tôi giật mình đến thót khi nghe thầy cất tiếng:

- Các em im lặng, nghe tôi đọc bài luận của trò Hà đây.

Tôi sợ hãi đến muốn khóc: “Chết rồi! Sao quả tạ chiếu vào tôi rồi. Tội bạn sẽ cười tôi, sẽ điều cợt những lời viết của tôi...”

Thầy bắt đầu thông thả đọc, cả lớp im phăng phắc nghe, tôi đang chờ đợi những lời chê trách, cùng những tràng cười kể tiếp... Tôi cứ cúi gằm mặt xuống không dám nhìn thầy, cho đến khi thầy đọc xong bài luận và nói:

- Các em có thấy không, đây là một bài luận hay, lời lẽ của Hà diễn tả mạch lạc, chân thật. Đọc bài này tôi có thể hình dung ra được hình ảnh của người lính ngay trước mặt mình. Khá lắm, tôi cho em trọn số điểm 20.

Tiếng xì xào vang lên, tôi cảm thấy tai mình lùng bùng

như không tin được điều tôi vừa nghe, Thanh Phương húc cùi chõ vào tôi:

- Sướng nhe, được 20 điểm luận văn.

Ngọc Linh tru tréo hỏi:

- Ê, sao bữa nay mày trở thành “thiên tài” bất ngờ dzậy?
Có ai làm dùm mày phải hôn?

Hồng Ái trề môi:

- Chắc là chép ở đâu rồi, tao không tin mày làm được một bài như vậy.



Ngày 9-4-72 tại Lai Khê, Bình Dương (Mặt trận An Lộc)

Thùy Minh chen vào:

- Khai thiệt đi, chép trong báo Quân Đội phải hôn?

Tôi tức tối la lên:

- Ủ, thì tao chép đó, làm gì tao.

Cả ba cái miệng nhao nhao:

- Ui trời ơi, bây giờ mới khai, đồ ăn cấp “dzăng”, nhục hơn ăn cấp tiền nghe mày. Nói cho thầy biết đi.

Tôi nhìn những khuôn mặt bạn bè hàng ngày vẫn tán

chuyện với tôi, giờ chỉ có con số điểm 20 mà đã muốn đòi bạn thành thù rồi. Tôi tự ái nói:

- Mày khỏi cần nói, tao lên nói với thầy liền.

Tôi vừa quay đi thì đã thấy thầy đứng sau lưng hỏi:

- Chuyện gì?

Tôi chưa kịp nói, thì Hồng Ái và Ngọc Linh cùng lên tiếng:

- Bài Luận của Hà là nó chép trong sách đó thầy. Nó mới khai với tụi em.

Tôi tức giận, nước mắt tự nhiên trào ra, hỏi đó, tôi cũng hay bị bạn bè chọc là đồ “mít ướt”. Thầy nhìn tôi với ánh mắt dịu dàng:

- Tôi không tin là bài luận này em chép. Theo tôi, nếu em chép từ văn của một nhà văn nào đó, thì đây là một bài văn rất dở với lời lẽ ngây ngô, nhưng tôi lại tin đây là bài luận hay của một học sinh lớp 6 như em.

Rồi thầy quay qua học sinh và nói:

- Tôi tin chắc rằng bài của trò Hà là tự bạn ấy viết, các em nên học lấy cách tả trung thực bằng cảm xúc, rõ ràng mạch lạc, chứ không nên dùng sáo ngữ, mơ hồ khiến cho người đọc khó hiểu.

Trước khi bước đi, thầy xoa đầu tôi nói:

- Thôi nín đi, thầy tin em là được rồi.

Câu nói của thầy như một thần dược xoa dịu ngay nỗi uất ức của tôi. Thầy không ghét tôi như tôi đã tưởng, thầy cũng chẳng bắt công hay thiên vị gì hết. Tôi chớp mắt nhìn thầy cảm động, tôi nghĩ, từ nay tôi sẽ bớt nói chuyện với cái đám bạn hay ganh tị kia. Mấy ngày sau, thầy nhìn tôi với ánh mắt thiện cảm hơn, thầy đã không còn chọi phần về phía tôi, hoặc kêu tên tôi những lần tôi nói chuyện. Tôi vẫn không ngờ bài luận đầu tiên đã làm thay đổi tình thầy trò một cách lạ lùng... Và cũng bắt đầu từ ngày đó, tôi càng thấy yêu thích môn Việt

Vẫn nhiều hơn.

Vài tháng sau đó, thầy thông báo sẽ nghỉ dạy, tôi nghe nói thầy đi nhập ngũ. Ngày cuối cùng với thầy, chúng tôi học bài “Cô Gái Sơn Tây”, thầy giảng bài này rất vui làm cả lớp có một trận cười ra nước mắt. Hết giờ, thầy nói vài câu tạm biệt với cả lớp:

-T uần tới, các em sẽ có thầy giáo mới thế chỗ tôi. Tôi mong rằng các em sẽ học chăm chỉ hơn, học văn là học về tâm hồn con người. Các em đừng nghĩ đây là môn phụ mà xao lãng nhé.

Tiếng một đứa con trai hỏi:

- Thầy đi dạy trường khác hả thầy?

- Không, thầy đi lính... Ngừng một chút, thầy hướng mắt về phía tôi tiếp. Đi lính là bổn phận của người trai tráng với đất nước, thầy cũng muốn có một hình ảnh đẹp, và hào hùng trong lòng các em như trò Hà đã tả về người lính.

Hôm đó, lần đầu tiên tôi thấy đôi mắt của thầy biết cười sau cặp kính dày.

Ba mươi tám năm sau...

Khi tôi bắt đầu tập tành viết lách, một người bạn rủ tôi tham gia một cuộc thi viết về người lính do báo Đa Hiệu tổ chức năm 2009. Tôi ngại ngừng nghĩ, chà, đề tài không dễ chút nào! Tôi cảm tưởng như đây là một bài luận khó. Cái khó là tôi đã bị kẹt lại trong chế độ CS những hai mươi năm, đã bị nhồi nhét bởi nền giáo dục đầy tính chất chính trị, với phương châm: “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Đất nước lúc đó đã bị cô lập với mọi thông tin bên ngoài, sự trung thực của lịch sử đã bị bóp méo. Tôi đã “bị học” những điều dối trá, tuyên truyền và nhục mạ về người lính VNCH... Vậy thì làm sao tôi có thể viết về người lính một cách tường tận được.

Tôi mơ hồ nhớ lại bài luận văn của mấy chục năm trước, tôi đã tả hình ảnh người lính theo cảm tính của một học sinh

lớp 6. Sự thiếu sót hay sai lạc vào lúc đó có thể châm chế được, vì người chấm bài chỉ có mỗi một mình thầy giáo thôi. Bây giờ tôi đã lớn tuổi, tôi không thể viết về người lính mà không có một kinh nghiệm hay hiểu biết gì về đời lính cả. Hơn thế nữa, khi viết ra, tôi sẽ có hàng trăm giám khảo là những độc giả của báo lướt mắt qua, trong số những người đọc đó, chắc chắn cũng có nhiều người đã là chiến sĩ năm xưa. Càng nghĩ, tôi càng thấy e ngại không muốn viết... Nhưng rồi, do sự yêu thích viết lách đã nhen nhúm trong tôi vài ý nghĩ về một bài viết với nội dung sao cho có ý nghĩa để dự thi. Tôi tìm đọc thêm những chuyện về đời lính trên các trang web để học hỏi.

Qua những bài viết về đủ mọi binh chủng trên các báo đài ở hải ngoại, tôi đã cảm nhận được dư âm của cuộc chiến tranh Nam, Bắc tương tàn dù đã chấm dứt hơn ba mươi năm nay rồi. Nó vẫn như đóm lửa âm ỉ trong lòng biết bao nhiêu người lính VNCH. Sự âm ỉ đó mỗi năm lại bùng lên ngọn lửa phần uất, buồn tủi vào ngày Quốc Hận tháng 4 đen. Ngày mà ở quê hương đang tung bùng chào mừng chiến thắng “vĩ đại” thì trên nửa vòng trái đất, những nơi có cộng đồng người Việt lưu vong, lại ngậm ngùi hồi tưởng về sự mất mát của miền Nam trong muôn vàn nghịch cảnh khác nhau. Sinh mạng của hàng triệu người đã bỏ mình trên biển cả trong những chuyến đi tìm tự do. Số phận tù đày của biết bao nhiêu người lính còn bị kẹt lại. Sự bạc đãi tàn ác của kẻ chiến thắng đối với trăm ngàn vạn người thương binh cũ. Đời sống dân lành đói khổ, lầm than. Và trong ngày Quốc Hận đó, hình ảnh người lính luôn đứng chung bên lá cờ vàng phất phới, đã là một biểu tượng cho sự hy sinh vì tự do, nhân ái mà tất cả những người Việt khắp nơi trên thế giới đang trân trọng gìn giữ và vinh danh.

Trong nhiều năm qua, đề tài về người lính tuy đã cũ mà vẫn gọi cho tôi lòng tò mò muốn biết. Thế nên tôi đang cố gắng tận dụng mọi hiểu biết mà tôi đã nghe, đã đọc để diễn tả lại hình ảnh người lính. Nhưng sao cố gắng hoài tôi thấy thông tin hình như không bao giờ đủ khi tôi chưa hề trải qua cuộc

đời chinh chiến. Những khi đọc chuyện đánh nhau trong chiến tranh, chuyện tù đầy khổ cực trăm bề, tôi hay bị xúc động và thường không thể đọc hết nổi những phần đau thương còn lại.

Từ những cảm xúc xót xa đó, tôi đã bạo dạn tham dự một bài viết về tình yêu đôi với số phận của người lính VNCH sau chiến tranh, đã phải chịu đựng bao nhiêu sự khốn khổ, tủi nhục về tinh thần lẫn thể xác trong lao tù CS. Cảm xúc thì nhiều, nhưng vì không có kinh nghiệm tiếp xúc với những người đã từng là lính, nên tôi chỉ biết tạo một nhân vật lính với những đặc trưng cao quý theo cảm nhận của riêng mình. Tôi mang những chữ *kiêu hùng trong chiến thắng lẫn chiến bại, kiên quyết, bao dung và sẵn sàng xả thân* đặt vào hình ảnh người lính tôi yêu. Tuy có mấy chữ đó thôi, tôi tin rằng ý nghĩa đã nói lên nhiều hơn tất cả.

Bài luận đầu tiên sau 38 năm của tôi về người lính đã được kết luận bằng câu:

“Cám ơn các anh, cám ơn một quá khứ oai hùng của đời lính đầy hy sinh gian khổ.”

May mắn thay, nó đã được đa số giám khảo chấp nhận cho tôi được giải.

2/2012

